

ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH TẬP GIẢI

QUYỂN 51

Phẩm 22: ĐỨC VƯƠNG (Phần 7)

- Nói rộng về nhân gần của Niết-bàn, gần gũi bạn lành.
- Chuyên tâm nghe pháp.
- Nêu việc Tôn giả Xá-lợi-phất bị bệnh, đến chỗ Phật nghe pháp, đúng như pháp tu hành.
- Nói rộng về Niết-bàn, Phật tánh có tám thứ, bảy thứ, sáu thứ...
- Giải thích nghĩa hư không, giải thích nghĩa Niết-bàn là chỗ phiền não được dứt bỏ.
- Dẫn việc xưa, Phật bọn ma rằng, còn ba tháng nữa, Ngài sẽ nhập Niết-bàn.

- Giải thích danh từ Niết-bàn.

“Lại nữa, này người thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát” cho đến “Bốn là tu hành đúng pháp.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Quyển bảy, quyển tám giải thích rộng công đức của hạnh trẻ thơ. Bốn đức này là hạnh mới thực hành. Đức của trẻ thơ làm nhân gần, là lấy việc trái với tà làm nhân gần.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Từ quyển bảy đến quyển mười đều giải thích rộng hạnh trước. Nay phẩm thứ bảy này cũng dùng ba tuệ làm thể. Phẩm công đức ban đầu, nói rằng do năng lực kinh. Phẩm này nói về ba tuệ do Thiện tri thức cho đây là khác nhau.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Phẩm Công Đức thứ bảy lấy bốn pháp làm thể. Bốn pháp này là hạnh giáo hóa trẻ thơ, nghĩa là gần gũi bạn lành, chuyên tâm nghe pháp, buộc niệm tư duy và tu hành đúng pháp nên Mạng thiên tuyên bố rằng: “Chỉ có bốn pháp này là nhân gần của Niết-bàn.” Nếu nói rằng như ngoại đạo khổ hạnh cho đây là đúng, thì không có việc đó. Nhưng trong phẩm này nói bốn pháp, phán quyết đại khái có ba lượt:

1. Có ba dụ cho y cứ chung một pháp để nói về bốn pháp. Trong

văn ấy tự phối hợp.

2. Từ “Bậc Thiện tri thức, nghĩa là Bồ-tát, Phật, Thanh văn, Bích-chi-phật”... trở xuống, là lược nói riêng bốn pháp, nay trong phần lược này, dùng Nhị thừa làm bạn lành. Nhưng sự trong phần lược ở trước, vì không phân biệt, nên nói là chung. Bậc Thiện tri thức có khả năng dạy bảo đạo tốt đẹp cho con người, đồng với công hạnh mà mình đã làm. Người kia và ta đều đồng ý, đều cùng nhau được lia khổ, đây là tướng của Thiện tri thức.”

“Này người thiện nam! Ví như có người thân bị các chứng bệnh” cho đến “mà thường xuyên giáo hóa, không có mệt mỏi nhàm chán.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ba ví dụ này nhập chung thành bốn pháp, gần với Niết-bàn làm thí dụ.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Y theo lời khen này có hai lược: Trước khen chung, sau khen riêng. Khen chung có bốn lớp: Đây là lớp thứ nhất, nêu bốn ví dụ, trước nói về tính chất tốt của Thiện tri thức:

“Này người thiện nam! Thiện tri thức là Bồ-tát” cho đến “Người kính tin Phương đẳng trong hàng Thanh văn.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ hai là nêu người ấy. Ngoài người này ra, chẳng phải Thiện tri thức, sơ lược cũng hết.”

“Vì sao gọi là Thiện tri thức?” cho đến “Do nghĩa này, nên gọi là Thiện tri thức.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói riêng về nghĩa bốn pháp. Lia mười việc ác: Giải thích Thiện tri thức, người thường thực hành đúng như việc lành. Nếu ta bất sinh điều ác: Là nói đúng như Pháp, thực hành đúng pháp, lợi ích cho ta có hai: Nói đúng pháp, là lời nói có ích. Hạnh đúng pháp: Lợi ích của không nói. Vì có pháp lành, nên nói việc lợi ích càng sâu. Vì chúng sinh là thiện, chẳng phải bất thiện.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ ba là giải thích nghĩa Thiện tri thức. Lược nêu tính chất tốt của Thiện tri thức.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói ví dụ để làm rõ pháp lành. Pháp lành ngày càng thêm nhiều: Là bốn phần giữa, nói là tướng của pháp lành, đây là thứ nhất.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ tư là khuyên người nương tựa Thiện tri thức. Dùng năm lớp để nói về sự hữu ích của nương tựa. Đây là khen chung thứ nhất.”

“Nhân là gần gũi, lại được liễu đạt” cho đến “Nghĩa rất sâu, gọi là nghe pháp.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Lợi ích thứ hai.”

“Người nghe pháp, tức là nghe kinh điển Phương đẳng Đại thừa” cho đến “nhờ tu tập nên được Đại Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thứ hai là giải thích về chuyên tâm nghe pháp.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ ba ở trước nói chung là liễu đạt mười hai bộ kinh. Phẩm này nói riêng về nghĩa mười hai bộ kinh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là nói lắng nghe chánh pháp.”

“Này người thiện nam! Ví như người bệnh dù nghe lời chỉ bảo của thầy thuốc” cho đến “Đó gọi là Bồ-tát buộc niệm tư duy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thứ ba là buộc niệm tư duy.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Thứ tư là khen ngợi định.”

“Thế nào gọi là tu hành đúng pháp” cho đến “Không bao giờ rời rảo nhập Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thứ tư là tu hành đúng pháp. Ở trên nói nhân của pháp, ở đây nói quả của pháp.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ba lời khen ở trước là nói về văn tuệ. Một lời khen thứ tư là nói về tư tuệ, lời khen thứ năm này để nói về tu tuệ.”

“Này người thiện nam! Thiện tri thức chân thật bậc nhất” cho đến “Tức là được gần với Đại Bát-niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thứ ba là nói lại trước nói về Thiện tri thức bậc nhất trong bốn pháp.”

“Thế nào là nhân duyên nghe pháp của Bồ-tát” cho đến “Tức được gần với Đại Bát-niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thứ hai là giải thích rộng về chuyên tâm nghe pháp.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Các thứ công đức, tức là trong phẩm này nói gần gũi thiện tri thức, cho đến tu hành đúng như lời Phật dạy. Mười thứ an ủi, nghĩa là chia tám phần Thánh đạo thành Tận trí và Vô sinh trí.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây là nói rộng bốn pháp, nói về Bồ-tát và Phật, vì phân biệt chúng sinh đến bao giờ mới cùng tận? Cho nên thuộc về Thiện tri thức bậc nhất.

Y cứ đoạn văn sau nói về bốn pháp. Môn chương đều khác nhau, nghĩa sự hãy suy tìm, không thể giải thích rộng.

Nói về bốn công đức của Tu-đà-hoàn: Nêu lên việc xưa nay, để chứng minh năng lực nghe pháp rộng lớn, tức là bốn pháp đã nói trên đây.

Mười dụ an ủi: Tám Thánh đạo là tám và chánh kiến, tâm giải thoát là mười. Chánh kiến là trí vô sinh. Tâm giải thoát là tận trí. Đây tức là pháp sở tri từ trước đến nay, chỉ vì nhân duyên khổ bệnh, không thể duyên lại, làm cho lại nói, khiến mình quên khổ mà duyên pháp.”

“Thế nào là nhân duyên tư duy của Bồ-tát” cho đến “Đây là do tư duy mà được gần với Đại Bát Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thứ ba là giải thích rộng về buộc niệm tư duy.”

“Thế nào là Bồ-tát tu hành đúng pháp” cho đến “Bảy là ngã, tám là tịnh, đó gọi là Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Tận là kết sử, tập khí đều hết. Tánh thiện lý nhiệm mầu là thiện, trái với gốc là tánh. Thật: Thể là thường. Chân là vì thấy thường. Thường: không thấy thường thì không phải thường. Lạc: Vì thường; ngã: Vì thường nên tự tại. Tịnh: Vì sự nhớ bản đã hết.”

“Lại có tám việc, tám việc ấy là cho đến “Bảy là vô ngã; tám là vô thường.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Kiết của phàm phu đã dứt, cũng gọi là Niết-bàn. Vì thế nên trái lại, vì chưa dứt hết kết, nên không gọi là tận. Đối với sự ràng buộc có giải thoát, cũng gọi giải thoát. Tánh thiện cũng là diệu thiện. Không thật, không chân vì không thấy thường. Vô thường cho đến Bất tịnh: Vì lại khởi kết, cho nên là vô.

“Lại có sáu tướng: Một là giải thoát” cho đến “Như lai, Pháp, Tăng, Thật tướng, hư không.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Lại giải thích tu hành đúng pháp: Khéo biết các pháp chân, ngụy, có thể tạo tác thực hành. Hoặc chân, không chân đoạn văn sau sẽ nêu về chân giả).

Nói là không biết tướng của bảy pháp, nghĩa là dù tu nhưng chẳng phải chân, hoặc biết rành bảy pháp, nói là chân.

Niết-bàn, là quả địa Đại Niết-bàn, Phật tánh thông suốt nhân quả. Như lai là người của quả địa. Pháp là chia ra Phật, Tăng, ngoài ra gọi Pháp. Tăng: Cũng có cả nhân quả. Thật tướng: Gồm tất cả các pháp đều là thật. Hư không là bầu hư không. Nói biết bảy pháp này gọi là thể không thật. Tướng của bảy pháp, gọi là chân thật.

Có tám: Trước là giải thích về tám việc của quả Phật.

1. Tận: Là dứt hết tất cả “Hoặc”. Trái lại, với ác đã dứt hết, gọi là tánh thiện. Pháp không thật, giả dối đã hết, nên chỉ còn chân thật. Dưới đây đối lập với bốn thứ chẳng phải thường, chung với bốn thứ trước

thành tám.

“Lại có tám việc: Đây là nói về Niết-bàn của ngoại đạo.”

1. Giải thoát: Chẳng phải không chế phục kiết. Ngay khi trái với ác là tánh thiện. Không thật, không chân. Chế phục rồi lại sinh, chưa phải là chiếu lý. Bốn thứ sau đây chẳng phải thường: Đã chưa lên quả cùng cực là pháp hữu vi. Lại, có sáu tướng; là về Nhị thừa:

1. Giải thoát: Tùy phần dùng vô lậu mà được vô vi.

2. Vì trái với ác nên là thiện.

3. Không thật.

4. Không chân: Lại phải dứt khổ hữu dư, chứng diệt của hữu dư. Lại có diệt cùng cực. Vì chưa được nên thành không chân thật.

5. Yên vui: Do họ thoát khỏi khổ nặng của ba cõi, nên có một ít phần vui, giữ được vô lậu. Đây là pháp tịnh. Vì thể là dòng chảy dời đổi, nên chẳng phải thường. vì chưa được tám tự tại, ngã cho nên vô “Ngã”. Có và có thoát thoát. Nên biểu thị quả là chưa cùng cực. Nếu dựa vào đạo thế tục để giải thích ngoại đạo, cho nên chỉ thú không chân thật.

Thế nào là sáu tướng? Giải thích Nhị thừa. Sở dĩ không giải thích lại quả Phật có tám là vì đã giải thích hai thứ chưa cùng cực. Về hình tướng dễ biết. Không gọi là biết Phật tánh: Vì nghĩa Phật tánh có tên gọi khác, nên nói là không biết.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây là thứ lớp giải thích tu hành đúng pháp. Nếu biết rõ bảy việc, là tu hành pháp chân như. Bảy việc đủ như kinh nêu:

1. Biết Niết-bàn có ba thứ: Trước biết Niết-bàn của quả Phật có tám việc.

2. Biết Niết-bàn do chế phục kiết của ngoại có tám việc.

3. Biết Thanh văn chỉ đoạn diệt “Không”, tạo nên Niết-bàn có sáu việc.

Nếu biết như thế thì Niết-bàn có rốt ráo, có thể cho là người tu hành pháp chân như.”

“Thế nào là Bồ-tát biết Phật tánh” cho đến “Đó gọi là Bồ-tát biết Phật tánh.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Phật tánh có sáu: Y theo phần giải thích tánh thì bốn Phật tánh trước là nhận biết riêng về quả, Phật tánh thứ năm là thấy giống như tánh “Duyên” nhân, trong đó chiếu sáng đạo, vì chẳng phải pháp nguy, cho nên là chân. Một có thể chứng cho sáu tánh còn lại như trên, nghĩa là lại thêm trí quả để chứng được tánh này.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là Phật tánh mà Cửu địa chứng được: Một là thường; nghĩa là điều lành của “Duyên” nhân:

1. Đã được thì không mất, vì quán sát pháp thường cho nên là Thường.

2. Vì “Tức” thể dứt trừ được “Hoặc”, cho nên là tịnh.

3. Vì đối lại với hư, nên gọi là thật.

4. Vì hướng lên, nên gọi là thiện.

5. Tức là sẽ thấy được tánh quả.

6. Vì đối với nguy nên gọi là chân.

Lại có bảy Phật tánh: Là Phật tánh của Thập địa thêm người có khả năng chứng, nghĩa là thấy một ít tánh quả. Sáu Phật tánh còn lại, như trên đã nói.”

“Thế nào là Bồ-tát biết tướng Như lai” cho đến “Đó gọi là Bồ-tát biết tướng Như lai.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Như lai y theo người để gọi. Giác là từ kiết sử, tùy miên mà thức tỉnh. Tướng thiện là Niết-bàn mà “Hoặc” đã hết, được vốn xứng tánh. Như lai, khéo thiện mà thôi.

Thường, lạc, ngã, tịnh: Ý nói giống như không đến mà thật ra thường đến, là tướng. Giải thoát: Con người giống như chưa giải thoát mà thật đã là tướng giải thoát.

Chân thật: Thấy thường mà thường, tức là người kia. Thị hiện đạo: Chỉ cho chúng sinh thấy con đường chân chánh. Có thể thấy, là vì thị hiện đồng với người nên thấy.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Như lai là tướng giác ngộ, nghĩa là pháp thân của quả cùng cực. Phật bảo chân thật, thể là thường, lạc, ngã, tịnh: Có đủ các đức.

Chỉ bày đạo thấy được: Kế là nói nói về Ứng với Phật Bảo, nếu chân thì nên biết chân này chính là điều lành, tu hành đúng pháp.”

“Thế nào là Bồ-tát biết pháp tướng” cho đến “Đó gọi là Bồ-tát biết pháp tướng.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Không có phi pháp là Pháp, ở người thì rõ ràng mà giảng nói thông suốt cả chúng sinh, vì khiến người thực hành điều lành làm chính. Trước là nêu điều thiện, bất thiện. Chứng được lý là thiện, trái với lý là bất thiện, đều thích hợp với sự thật kia, chính là Pháp.

Thường, bất thường, cho đến tịnh bất tịnh: phải ở chỗ không có bốn điên đảo, là thể chính đáng của pháp. Hoặc biết, không biết: Vì pháp không có vô tri, nên lại dùng biết, không biết để làm pháp.

Hoặc hiểu, không hiểu: Mở mang truyền bá chánh pháp là ở lời nói. Được chỉ thú là hiểu, nên lại dùng “Hiểu”, “Không hiểu” làm pháp.

Hoặc chân, bất chân: Vì trái với chân là phi pháp, nên mới dùng chân, bất chân làm pháp.

Hoặc tu, không tu: Vì hoằng pháp là mục đích ở việc tu học, nên mới dùng tu, không tu làm pháp.

Hoặc có thầy, không có thầy: Vì pháp tiêu biểu thành thầy, nên mới dùng thầy, không thầy làm pháp.

Hoặc thật, không thật: Đã chân là thật, thật đã rõ ràng, thì nhất định là phải quý, nên lại dùng làm tánh.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Thiện, bất thiện: Được chia thành hai báu. Ngoài ra tất cả pháp đều là Pháp. Xét theo văn, dường như chung riêng, chưa chia ra pháp của hai danh từ. Và danh từ thí kia, về nghĩa đã phân tích, vì hai báu khác nhau. Pháp và thật tướng, có chia ra rộng, hẹp.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Người biết pháp là người biết cả hai. Sáu hạnh song song với hai đế chân tục.”

“Thế nào là Bồ-tát biết tướng Tăng” cho đến “Đó gọi là Bồ-tát biết tướng Tăng.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Dù phần nhiều là vô tướng, đều có một người, mà pháp thì không thể khác. Nhưng về sau lại thành chúng không có khác, tức thường hòa thì hằng vui, chẳng bị người ngoài phá hoại, gọi đó là “Ngã”. Không cho gây ra lậu, gọi là Tịnh.”

Tướng của đệ tử: Chúng chẳng phải là sự tỏ ngộ một mình mà rõ ràng phải có thầy, tướng thấy được: Là các lý lẽ là ở người, nên có thể thấy. Thiện: Chớ có trái phạm, đó là thiện thường.

“Chân, bất chân, cho đến thật không thật: Bản tánh là chân, toàn thể không có nguy, chưa thể cứu xét lý thì lấy gì làm thật?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nói là thường, lạc, ngã, tịnh: Trước nêu tăng của quả địa, là tướng đệ tử, là tăng ở nhân địa. Có thể thấy tướng: Tu, hiểu tu Trung đạo là thấy Phật tánh.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nếu cùng cực khác với thể, mà hòa là chân tăng. Nếu là Thánh chúng ba thừa của Học địa, là tướng đệ tử. Nếu biết hai hạng tăng này khác nhau, thì cũng là người tu hành đúng pháp.”

“Thế nào là Bồ-tát biết thật tướng?” cho đến “Tướng mạo khác nhau của pháp hư không...”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Thường, vô thường cho đến tịnh, bất tịnh, nghĩa là vì thật tướng nói lý, nên khác với pháp. Con người tự mình trái với lý, có bốn điên đảo Trong bốn không có điên đảo, vì vốn là lý. Thiện, bất thiện: Vì trái lý nên bất thiện, ngược lại thì thành thiện.

“Hoặc “có”, hoặc “Không”, hoặc “Thấy” hoặc “Không thấy”, nghĩa là về lý thì ẩn giấu, dường như “Không có”. Lại, nếu “Không”, mà có thể thấy, hoặc Niết-bàn, là giải thoát và đoạn: Trái lý thì thành ràng buộc, được lý thì Niết-bàn là giải thoát và đoạn. Hoặc biết, không biết: trong lý chẳng có không biết. Hoặc chứng, không chứng: lý tiềm ẩn, dường như khó nói mà rõ ràng chứng biết. Hoặc tu, không tu: Tu thì được dụng, đây gọi là Thật tướng, chẳng phải Niết-bàn... Bảy nghĩa này về mặt lý thì đồng mà về nghĩa thú thì chẳng phải một. Chẳng phải một, vì đều khác trước sau, hội hợp lại là đủ.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Thường, vô thường: hợp với tướng là thật.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Cũng không khác với nghĩa trong thật đế trên.”

“Này người thiện nam! Đại Bồ-tát” cho đến “Vì chúng sinh, nên nói là có thể đế.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Chẳng thấy hư không: Hư không tự biểu lộ, chẳng có hư không biết hư không: Vì chẳng thấy hư không. Nay dùng ví dụ lý kết câu để nói sau. Nếu không vật thể gọi là hư không, thì hư không như vậy mới gọi là thật. Có tướng hư không, tức là vật của ba cõi. Vì không có vật mới là chân thật. Vì là thật nên gọi là thường vô. Vì thường “Không có”, vật về lý không dời đổi là thường vô, vì thường vô nên chẳng có lạc, ngã, tịnh. Nghĩa là đã chẳng có tướng không, cũng chẳng có thường, lạc, ngã, tịnh. Về nghĩa đã là vô thì không thể nói là có, đó là lý do “Có”. Ví như thế gian không có vật, gọi là không, nghĩa là hình tướng không, mà chấp “Không có” vật là dụ chẳng có tướng không.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Chỉ tuệ nhãn trông thấy, như vô mà thấy. Vì ánh sáng nên nói là không, nghĩa là do ánh sáng kia có tác dụng suốt qua ánh sáng thành không. Hư không là bầu hư không, là chữ vật vô. Ngoại đạo thường nói hư không có thể tạo tác. Nếu hiểu hư không, chẳng phải là pháp có thể tạo tác, cũng là tu hành đúng pháp. Chính vì vậy, nên sau đây, Đức Phật tạm mượn ví dụ để nói cũng như thế đế, thật ra không có tánh của hư không. Nói thẳng, tự vì chúng sinh nên nói có nhân duyên này. Tuy nhiên Thế đế từ xưa đến nay là không, chẳng hề

tạm “Có”. Nay hư không cũng như vậy. Nói thẳng là do vật thể không có chỗ, nên gọi là hư không, thì chỗ nào lại có hư không để được ư?”

“Này người thiện nam! Thể của Niết-bàn cũng giống như vậy” cho đến “Khi chứng Vô thượng Bồ-đề, thì gọi là vui Bồ-đề.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Thể của Niết-bàn: Niết-bàn tự biểu thị không có Niết-bàn, đồng với hư không, chỗ dứt phiền não, là lấy chỗ dứt gọi là diệt, chính là vì không có diệt, tức là thường. “Diệt” của “Vô Diệt” tức là thường, lạc, không hoàn toàn đồng với hư không. Cái vui vắng lặng: Đã nói là vui, vì e lạm quá, cho nên phải nói: Như lai có hai thứ vui, đó là vui vô tri. Thật tướng có ba niềm vui: Một là cảm nhận niềm vui, nghĩa là chấp ngang trái dù chẳng phải vô vi, nhưng cũng lập ra vui này; hai là Phật tánh có một niềm vui: Phật tánh của Bồ-tát không có niềm vui, vì sẽ có vui Bồ-đề.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Thể của Niết-bàn trực tiếp dứt phiền não: Nói đúng ra là giải thoát các lụy phiền trói buộc. Do không có các phiền não nên cho là Niết-bàn tức là thường, lạc: Y theo trí mà nói là không, đâu chẳng phải thường, lạc ư? Dù chẳng cảm thọ niềm vui, khác với cái vui của ba thọ, mà vì vắng lặng không có khổ, nên gọi là vui. Như lai có hai thứ vui: Vì vui đó không suốt qua nhân địa, nên không có thọ vui. Vì thật tướng chung cả nhân quả, nên có cả ba niềm vui. Phật tánh có một thứ vui là Lý thiên chân vì chẳng phải nghĩa thần minh nên chẳng phải giác biết và thọ vui. Lúc chứng được Bồ-đề, gọi là vui Bồ-đề: Tức là vui vắng lặng. Lại vì xoay vần đặt tên, nên gọi là vui Bồ-đề.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là nói về thể của Niết-bàn. Cũng như hư không chẳng có chỗ ở. Diệu thể của quả Phật là chân như vô tướng, đâu có nơi chốn để tìm kiếm? Nhưng pháp tánh không có tánh tướng như hư không, chẳng khác, sở dĩ có khác là vì khác ở chỗ “Chí hư”. Đã y theo thể, tướng để soạn luận, e rằng người còn nghi ngờ, nên về sau lại y theo công dụng để nói, cho nên nêu thường, lạc, ngã, để nêu tướng của chúng. Phật có hai niềm vui: Niềm vui vắng lặng được y cứ trên thể tướng để biểu lộ lời nói. Do đó, mà biết niềm vui là y theo dụng để giải thích.

Thật tướng có ba niềm vui: thọ vui, thật là thật trong hư. Hai thứ vui còn lại không khác với vui nói trên. Quả này làm sáng tỏ vui chân thật. Phật tánh chỉ có một thứ vui, vì sẽ thấy.”

“Bấy giờ, Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao quý Đức Vương” cho đến “Thế nào là nói lời giả dối này?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Có ba câu hỏi:

1. Chứng thân trí diệt là Niết-bàn, chẳng phải dứt thẳng phiền não?
2. Chứng tập diệt là Niết-bàn, chẳng phải dứt thẳng phiền não diệt.
3. Chứng ba việc thân diệt, tức là Niết-bàn. Tự kỳ hạn ba tháng, nghĩa là do thời gian, việc quan trọng, nên chứng thân trí diệt là Niết-bàn.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Có câu hỏi này, là do trước đây đã giải thích về Niết-bàn, nói thẳng là chỗ đoạn, nối tiếp lời nói đó để làm lời thưa hỏi. Ở đây có bốn câu hỏi về chỗ đoạn, không phải là Niết-bàn. Ý thưa hỏi là dẫn chứng giáo xưa, muốn cho Niết-bàn đồng với không vô. Lời hỏi đầu tiên rằng: “Ma đến hỏi Phật vì sao chưa nhập Niết-bàn, Phật tự đáp: “Chưa có đệ tử học rộng”, phải biết rằng do chỗ thân trí hết, chứ chẳng phải dứt thẳng hết phiền não?

Thứ hai là nêu do Bồ-tát quyết đoán, nên biết không cần chỗ đoạn, là đúng.

Thứ ba là ma lại hỏi, Phật đáp rằng: “Đến ba tháng sau, Phật sẽ nhập Niết-bàn” lời nói “sẽ nhập” này phát ra từ chính miệng Phật, há là chỗ dứt thẳng?

Ý câu hỏi thứ tư, lấy mới thành Phật, bèn là Niết-bàn, câu hỏi thứ ba trước trở ở thành câu hỏi đầu. Nay câu hỏi thứ tư lại thành câu hỏi thứ hai.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây vì ở trên đã nói rằng Niết-bàn trực tiếp là chỗ mà Chư Phật dứt phiền não. Chúng sinh bèn sinh nghi rằng “Cũng là Niết-bàn Hữu dư của ngày xưa. Nay, Bồ-tát Đức Vương nêu câu hỏi này để khiển trách. Ý theo ba thứ: Việc dạy bảo trẻ thơ để nói về tính chất hư thật của Niết-bàn. Thứ nhất là chấp vô dư, lẽ ra phải là hữu dư, lẽ ra là quấy. Vì sao? Vì xưa, Như lai ở bên sông Ni-liên-thiền, bảo Ma vương rằng: “Hôm nay ta chưa nhập Niết-bàn.”

Câu hỏi thứ hai: Từ câu “Nếu dứt phiền não thì chẳng phải Niết-bàn, trở xuống, cho đến hết: “Nay thân này của ta tức là Niết-bàn rồi, chẳng phải chỉ vô dư mới đúng” hữu dư lẽ ra cũng lại như thế. Vì sao? Vì thuở xưa, Phật bảo Bà-la-môn Sinh Danh rằng: “Nay, thân này của Ta tức là Niết-bàn.”

“Thân Như lai chưa diệt mà nói “Tức là”, không phải dùng hữu dư làm Niết-bàn ư?”

Câu hỏi thứ ba rằng: “Lý luận không thích hợp, cả hai không như

vậy, lẽ ra một thì một “Phi”. Nếu cả hai đều “Phi” thì Đức Phật đâu phát ra lời nói luống dối này. Nhưng trong đây lời hỏi dù nhiều, nhưng ý thưa hỏi chính đáng không ngoài ba pháp này. Từ “Ở nước Tỳ-xá-ly trở xuống, đều để chứng minh câu hỏi thứ nhất. Vô dư lẽ ra nghĩa là Niết-bàn. Như lai đã tự kỳ hạn ba tháng, không phải dùng ngay tử diệt để làm Niết-bàn ư?”

“Bấy giờ, Đức Thế tôn bảo Quang Minh Biến Chiếu” cho đến “Hễ đã phát ngôn, đều là lời chân thành, chắc chắn, không giả dối.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Đáp chung bốn câu hỏi.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đáp câu hỏi thứ ba, nói tự chẳng phải cơ cảm. Đức Phật thì không nói, vì muốn cho chúng sinh được thích nghi, nên có thuyết này.”

“Này người thiện nam! Như lời ông nói: “Khi xưa, ma Ba-tuần” cho đến “Bèn cho là Như lai nhập Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Im lặng không nói năng chi cả tức là Niết-bàn, đáp câu hỏi đầu.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây là đáp câu hỏi thứ nhất, nói Ma vương không biết chân thể Niết-bàn, cho rằng Đức Phật im lặng không nói pháp nữa đó, là Niết-bàn.”

“Này người thiện nam! Như lai không nói Phật, Pháp, chúng Tăng” cho đến “Hai pháp thanh tịnh, không có khác nhau.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Y theo phần lược đáp, trước là mở ra ba câu, giải thích lý do ý nói tướng che khuất để nói Đức Phật mới xuất hiện ở thế gian, chúng sinh trí thấp cạn, chưa kham pháp sâu, không được nói Tam bảo đồng thể, chính là được nói đoạn diệt vô dư, tạo nên thường trụ thanh tịnh không có khác nhau.”

“Này người thiện nam! Đức Phật cũng không nói Phật và Phật tánh” cho đến “Thường hằng không thay đổi, không có khác nhau.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Giải thích thứ hai, cũng không nói Phật tánh và Niết-bàn là một thể, chỉ nói vô dư “Không” Niết-bàn, tạo ra thường hằng không thay đổi.”

“Này người thiện nam! Phật cũng không nói thật tướng của Niết-bàn” cho đến “Thường không thay đổi, không có khác nhau.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Giải thích thứ ba, là nói vào thời bấy giờ cũng không được nói thật tướng Niết-bàn là một thể, chỉ được nói vô dư “không”, tạo ra thường có thật, không thay đổi, không có khác nhau.”

“Này người thiện nam! Lúc bấy giờ, các đệ tử Thanh văn của ta”

cho đến “Phật hẹn ba tháng sau sẽ nhập Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Sở dĩ chỉ được nói vô dư “Không” tạo ra có thật là vì có đệ tử buông lung.”

“Này người thiện nam! Do Tỳ-kheo xấu ác như vậy” cho đến “Nhưng thật ra Ta không rốt ráo nhập Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp câu hỏi thứ ba: Nghĩa Tam bảo khác nhau, nhưng nghĩa thường trụ, thanh tịnh thì không khác, nên nói một, không phải ba.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Quở trách rộng về lỗi của đệ tử Thanh văn, khen hiểu được sáu hạnh. Nếu hội được cái học nghiêng lệch, người đã hội được Thánh, thì trong đây không nên nói “Người Thanh văn là quyến thuộc của ma, chẳng phải là đệ tử của Ta”.

“Này người thiện nam! Như người mù bẩm sinh không thấy mặt trời, mặt trăng” cho đến “Ba tháng sau, Ta sẽ nhập Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Vì Thanh văn nêu thí dụ”.

“Này người thiện nam! Như lai xa thấy Bồ-tát Ca-diếp” cho đến “Ba tháng sau, Ta sẽ nhập Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nói thẳng là Như lai hiện ra hạnh trở thơ để điều dắt, hóa độ kẻ ngu mê thấp hèn, nên phải nói thế.”

“Này người thiện nam! Vì sao, trước kia Ta” cho đến “Ma vương Ba-tuần, không nhập Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp câu hỏi thứ tư, nêu lên chỉ thú xưa, để thành câu hỏi.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nêu câu hỏi thứ nhất để đáp: “Trước kia, Ta đã nói chưa có đệ tử học rộng, là muốn vì năm Tỳ-kheo..., nên nói chưa nhập Niết-bàn, chứ chẳng phải chính là Niết-bàn chân thật.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Kế là ý đáp câu hỏi trước rằng: “Bấy giờ, Ta vì một người gieo trồng gốc lành phải thành thực, cho nên không nhập Niết-bàn.”

“Này người thiện nam! Niết-bàn Hữu danh” chẳng phải Đại Niết-bàn” cho đến “cũng được gọi là Đại Bát-niết-bàn”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp câu hỏi thứ hai, nói vì thấy Phật tánh, nên được gọi là thường, lạc. Nếu không thấy Phật tánh thì tập khí sẽ chưa hết, không được “Ngã” thường, chỉ khi khổ phần đoạn hết mới được gọi là lạc, tịnh.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đáp câu hỏi thứ hai, nói Bồ-tát mới dứt khổ phần ít, nên chưa thể gọi.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Kế là đáp câu hỏi về hữu dư thứ hai.

Giáo xưa chỉ cho phiền não không có nơi chốn, vì là hữu dư, không chỉ cho thân trí cùng tận. Ngày nay, y theo thân, tâm để lập, tùy theo người tu hành mà dứt nhân, diệt quả, nên gọi là Niết-bàn” “Hữu danh”.

“Này người thiện nam! Bát-niết, ý nói là không bát, ý nói diệt” cho đến “Nghĩa vô chương ngại, gọi là Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Giải thích rộng về nghĩa không diệt..., vì thành lập nghĩa Niết-bàn chân thật.”

“Này người thiện nam! Có đệ tử của phái Ưu-lâu-ca, Ca-tỳ-la” cho đến “Thành tựu đầy đủ công đức thứ bảy.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đã nêu việc để chứng minh rồi. Giải thích lại danh nghĩa Niết-bàn “có” ở diệt. Dứt phiền não không gọi là Niết-bàn: Dứt phiền não là trí, phiền não bất sinh là diệt.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đã nói Bồ-tát chưa cùng cực, chỉ có Phật là cùng cực, tức câu hỏi thứ tư, là giải thích tự nhiên.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là một ít phần không khổ trong nhân, chẳng phải tất cả khổ đều hết, cho nên không gọi là Đại Niết-bàn. Diệu thể của quả Phật, sinh tử đã dứt hết. Thể không có tai họa trói buộc, không còn sinh phiền não, đủ tất cả đức, mới gọi là Đại Niết-bàn. Không phải ngay phiền não này không có nơi chốn. Thế nên dùng năm pháp đồng thể để chứng minh rằng Niết-bàn nay khác với Niết-bàn xưa. Vì sao? Vì có năm tính chất:

1. Nói Phật không còn khởi phiền não!
2. Nói thể cùng cực như lý.
3. Nói xem xét cảnh đã chu đáo.
4. Nói ứng hiện khắp, không có ngăn ngại.
5. Nói thể là thật tướng.

Đủ năm tính chất tốt này thì diệu hữu, thường còn, đâu không phải là Niết-bàn nay khác với Niết-bàn xưa ư?”

